

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

**HOÀNG VĂN NAM**

**KINH TẾ LÂM NGHIỆP Ở HUYỆN SƠN ĐỘNG  
TỈNH BẮC GIANG TỪ NĂM 2000 ĐẾN 2010**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LỊCH SỬ**

**Thái Nguyên, 2013**

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

**HOÀNG VĂN NAM**

**KINH TẾ LÂM NGHIỆP Ở HUYỆN SƠN ĐỘNG  
TỈNH BẮC GIANG TỪ NĂM 2000 ĐẾN 2010**

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

Mã số: 60.22.03.13

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LỊCH SỬ**

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Nguyễn Ngọc Cơ

Thái Nguyên, 2013

## ***LỜI CẢM ƠN***

Trước hết tác giả luận văn xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo trong tổ Lịch Sử Việt Nam khoa Lịch Sử trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Đặc biệt là thầy giáo hướng dẫn khoa học Giáo Sư - Tiến Sĩ Nguyễn Ngọc Cơ đã chi bảo tận tình, động viên khích lệ tác giả trong suốt quá trình học tập và hoàn thành luận văn.

Trong thời gian thực hiện luận văn, Tác giả đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của tỉnh uỷ, UBND tỉnh Bắc Giang, Huyện Uỷ, UBND huyện Sơn Động, cùng các ban ngành, đoàn thể trong huyện Sơn Động đã cung cấp tư liệu, để tác giả hoàn thành luận văn. Tác giả xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu đó .

Cuối cùng tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã động viên, giúp đỡ tác giả trong quá trình học tập và hoàn thành luận văn.

*Thái Nguyên, tháng 10 năm 2013*

**Người thực hiện**

***Hoàng Văn Nam***

### **LỜI CAM ĐOAN**

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các số liệu, kết quả nêu trong luận văn này là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.*

**Người thực hiện**

***Hoàng Văn Nam***

**XÁC NHẬN CỦA TRƯỞNG KHOA CHUYÊN MÔN**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>LỜI CẢM ƠN</b>	
<b>LỜI CAM ĐOAN</b>	
<b>MỤC LỤC</b> .....	0
<b>DANH MỤC BIỂU ĐỒ, BẢNG BIỂU</b> .....	iii
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Lí do chọn đề tài .....	1
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề.....	4
3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu, nhiệm vụ của đề tài .....	6
4. Nguồn tư liệu, phương pháp nghiên cứu .....	6
5. Đóng góp của luận văn .....	7
6. Kết cấu luận văn .....	7
<b>Chương 1: KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI HUYỆN</b>	
<b>SƠN ĐỘNG TRƯỚC NĂM 2000</b> .....	9
1.1. Khái quát chung về huyện Sơn Động.....	9
1.1.1. Về vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên.....	9
1.1.2. Tài nguyên thiên nhiên .....	12
1.2. Đặc điểm kinh tế, xã hội.....	14
1.2.1. Đặc điểm kinh tế.....	14
1.2.2. Đặc điểm xã hội và các di sản văn hóa.....	16
1.3. Tình hình kinh tế lâm nghiệp huyện Sơn Động trước năm 2000 .....	17
Tiểu kết chương 1 .....	19
<b>Chương 2: KINH TẾ LÂM NGHIỆP HUYỆN SƠN ĐỘNG TỪ NĂM</b>	
<b>2000 ĐẾN 2010</b> .....	21
2.1. Bối cảnh lịch sử .....	21
2.2. Đường lối đổi mới của Đảng bộ và chính quyền tỉnh Bắc Giang nhằm phát triển kinh tế lâm nghiệp giai đoạn từ năm 2000-2010 .....	23

2.3. Chuyển biến của ngành lâm ở huyện Sơn Động từ năm 2000-2010 .....	25
2.3.1. Diện tích khoanh nuôi và bảo vệ rừng.....	25
2.3.2. Phát triển rừng trồng mới .....	31
2.3.3. Phát triển rừng phòng hộ .....	35
2.3.4. Phát triển rừng đặc dụng.....	38
2.3.5. Khai thác và chế biến lâm sản .....	43
2.3.6. Những thành tựu và hạn chế trong quá trình phát triển kinh tế lâm nghiệp ở huyện Sơn Động. ....	49
<b>Chương 3: VỊ TRÍ, VAI TRÒ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA KINH TẾ LÂM NGHIỆP TỚI ĐỜI SỐNG KINH TẾ XÃ HỘI HUYỆN SƠN ĐỘNG.....</b>	<b>56</b>
3.1. Kinh tế lâm nghiệp với công cuộc xóa đói giảm nghèo .....	56
3.2. Phát triển lâm nghiệp cải thiện môi sinh, môi trường, cảnh quan.....	62
3.3. Kinh tế lâm nghiệp góp phần nâng cao ý thức bảo vệ thiên nhiên của con người .....	67
Tiểu kết chương 3 .....	71
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>74</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>80</b>
<b>PHỤ LỤC ẢNH</b>	

**DANH MỤC BIỂU ĐỒ, BẢNG BIỂU**

<b>Thứ tự</b>	<b>Tên biểu đồ, bảng biểu</b>	<b>Trang</b>
<b>1</b>	<b>Biểu đồ 2.3a :</b> Sự chuyển dịch của diện tích rừng phòng hộ qua từng giai đoạn	29
<b>2</b>	<b>Biểu đồ 2.3b:</b> Đất rừng và diện tích rừng đã gia cho các hộ gia đình và các tổ chức quản lý	30
<b>3</b>	<b>Biểu đồ 3.2a :</b> Diện tích rừng trồng mới từ năm 2000 - 2005	32
<b>4</b>	<b>Biểu đồ 3.2b:</b> Diện tích rừng trồng mới từ năm 2006 - 2010	32
<b>5</b>	<b>Biểu đồ 3.3:</b> Sự biến động diện tích rừng phòng hộ theo từng năm	37
<b>6</b>	<b>Biểu đồ 3.4:</b> Sự biến động diện tích rừng đặc dụng qua từng năm	40
<b>7</b>	<b>Bảng 1:</b> Giá trị sản xuất lâm nghiệp giai đoạn 2000 - 2010	48
<b>8</b>	<b>Bảng 2:</b> Giá trị sản xuất lâm nghiệp giai đoạn 2006 - 2010	65

## MỞ ĐẦU

### 1. Lí do chọn đề tài

Rừng gắn bó mật thiết với lịch sử loài người, từ thuở xa xưa đời sống con người hoàn toàn phụ thuộc vào rừng, con người sống bằng săn bắt, săn bắn và hái lượm những sản phẩm tự nhiên của rừng. Rừng núi, hang động là nhà ở, là nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người nguyên thủy. Trong nhiều thập kỉ qua, rừng được coi là một trong các nguồn tài nguyên vô cùng quý giá, rừng cung cấp nguồn sản vật phục vụ đời sống con người như gỗ, củi đốt, nhựa cây, nguyên vật liệu làm giấy...

Rừng giữ không khí trong lành: do chức năng quang hợp của cây xanh, rừng là một nhà máy sinh học tự nhiên thường xuyên thu nhận cacbonic và cung cấp ôxy... Đặc biệt ngày nay khi hiện tượng nóng dần lên của trái đất do hiệu ứng nhà kính, vai trò của rừng trong việc giảm lượng khí Cacbonic là rất quan trọng.

Rừng điều tiết nguồn nước, phòng chống lũ lụt và chống xói mòn: rừng có vai trò điều hòa nguồn nước, giảm dòng chảy bề mặt của nước và làm tăng lượng nước ngấm vào đất, vào tầng nước ngầm. Khắc phục được xói mòn đất, hạn chế lắng đọng lòng sông, lòng hồ, điều hòa được dòng chảy của các con sông, con suối (tăng lượng nước sông, nước suối vào mùa khô, giảm lượng nước sông suối vào mùa mưa).

Rừng bảo vệ độ phì nhiêu và bồi dưỡng tiềm năng của đất: ở vùng có đủ rừng thì dòng chảy bị chế ngự, ngăn chặn được nạn bào mòn, nhất là trên đồi núi dốc tác dụng ấy có hiệu quả lớn, nên lớp đất mặt không bị mỏng, mọi đặc tính lý hóa và vi sinh vật học của đất không bị phá hủy, độ phì nhiêu được duy trì. Rừng lại liên tục tạo chất hữu cơ. Điều này thể hiện ở qui luật phổ biến: rừng tốt tạo ra đất tốt, và đất tốt nuôi lại rừng tốt.



Rừng góp phần duy trì chất lượng và nguồn nước sạch. Hơn  $\frac{3}{4}$  lượng nước sạch trên thế giới bắt nguồn từ rừng, rừng có vai trò như cỗ máy điều hoà tự nhiên làm cho môi trường trong lành, bớt độc hại, rừng có khả năng hấp thụ, lọc và hút bớt các khí độc hại, chống ô nhiễm, làm sạch không khí, giảm tiếng ồn, giúp tránh được những nguy hại cho sức khoẻ con người và tạo được quá trình sinh thái bình thường cho sinh vật. Trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm bảo vệ đất nước, rừng cũng giữ vai trò to lớn góp phần làm nên thắng lợi vẻ vang của dân tộc ta. Vì vậy, hình ảnh của rừng còn được nhà thơ Tố Hữu ca ngợi qua những vần thơ:

“Nhớ khi giặc đến giặc lùng  
Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây  
Núi giăng thành lũy sắt giày  
Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù”.

Có thể nói, rừng là người bạn thân thiện với mọi người, mọi nhà. Từ ngôi nhà nhỏ bé đến trang trí nội thất, đồ gia dụng, công cụ lao động,... Tất cả đều không thể thiếu tài nguyên rừng.

Rừng là nguồn tài nguyên quý giá của đất nước, có khả năng tái tạo, nếu được quản lý bảo vệ và khai thác đúng kỹ thuật thì nguồn tài nguyên này không bao giờ vơi cạn. Rừng là bộ phận quan trọng của môi trường sinh thái, có tác dụng điều hòa khí hậu, hạn chế lũ lụt, chống xói mòn, tái tạo và nâng cao độ phì nhiêu của đất, hạn chế quá trình biến đổi khí hậu... Vì vậy, rừng được ví như lá phổi của trái đất, có vai trò to lớn đối với sự phát triển kinh tế xã hội của quốc gia, gắn liền với đời sống của nhân dân và sức sống của toàn dân tộc.

Hiểu rõ tầm quan trọng của rừng, trên con đường đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã có những chính sách ưu tiên phát triển kinh tế lâm nghiệp. Để góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế lâm nghiệp trên con đường đổi mới theo định hướng của Đảng và Nhà nước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang đã không ngừng đẩy mạnh phát triển kinh

tế lâm nghiệp nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân và góp phần đưa kinh tế huyện nhà ngày càng tiến nhanh và thu hẹp dần so với mặt bằng chung của tỉnh.

Sơn Động là một huyện miền núi cao, nằm ở phía đông của tỉnh Bắc Giang trên trục đường quốc lộ 31, cách thành phố Bắc Giang 80 km về phía Đông Bắc. Với diện tích là 844,32 km<sup>2</sup>, trong đó diện tích rừng tự nhiên khoảng 34.682 ha. Là huyện có nhiều thành phần dân tộc cùng sinh sống, gồm người Kinh, người Tày, người Nùng, Cao Lan, Sán Chí... Toàn huyện có 23 đơn vị hành chính ( trong đó có 21 xã và 02 thị trấn ). Dân số toàn huyện năm 2000 là 67.205 người, đến năm 2010 tăng lên 69.112 người [Nguồn: 44-tr.49, 45-tr.75]. Các vùng thung lũng đất đai màu mỡ nằm chủ yếu ở thượng nguồn sông Lục Nam thích hợp cho việc canh tác cây lúa và các loại cây hoa màu. Ngoài các loại cây lương thực và hoa màu là cây trồng chính, nhân dân các dân tộc huyện Sơn Động còn biết dựa vào địa hình đồi núi rộng lớn để phát triển kinh tế lâm nghiệp. Trước năm 2000 đời sống của đại bộ phận nhân dân trong huyện còn gặp nhiều khó khăn, tình trạng chặt phá, khai thác rừng bừa bãi, đốt nương, làm rẫy còn khá phổ biến. Đặc biệt, nạn du canh, du cư vẫn còn khá phổ biến ở một số đồng bào dân tộc thiểu số trong huyện.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế cả địa phương, từ năm 2000 thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế rừng, các cấp lãnh đạo huyện Sơn Động đã có những bước đi mới trong quá trình phát triển kinh tế lâm nghiệp, cùng với đó là sự cần cù chịu khó trong lao động của nhân dân các dân tộc huyện nhà. Vì vậy, đời sống của nhân dân cũng từng bước được cải thiện, bộ mặt nông thôn miền núi Sơn Động đã thay da đổi thịt từng ngày.

Vậy thành công của chương trình phát triển kinh tế lâm nghiệp của huyện nhà là do đâu ? Trong quá trình trồng rừng có những thuận lợi và khó khăn gì ? Bài học rút ra từ trồng rừng trong những thập niên tiếp theo. Xuất